

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/HS-ST
Ngày 27-12-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thực

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Biền Ngân và ông Nguyễn Văn Tạo

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Đàm Xuân Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2022/TLST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-HS ngày 08/02/2022, đối với bị cáo:

Nguyễn Xuân Q, sinh ngày 22/3/1981; tại: xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn L, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức L và bà Đồng Thị L (đã chết); vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không;

* Về nhân thân:

+ Ngày 29/11/1999, bị Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình xử phạt 12 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” tại Bản án số 60/1999/HSST;

+ Ngày 27/12/2021, bị Công an huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”;

+ Ngày 18/7/2022, bị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xử phạt 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 49/2022/HS-PT.

Bị cáo hiện đang chấp hành án tại Trại giam Xuân Phước, thuộc Cục C10, Bộ Công an (đóng tại xã Xuân Phước, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên). Có mặt.

- Bị hại:

+ Chị Phạm Thị H, sinh năm 1987; nơi cư trú: thôn T, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1995; nơi cư trú: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Bà Phạm Thị T, sinh năm 1967; nơi cư trú: thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Anh Trần Quốc T, sinh năm 1988; nơi cư trú: thôn C, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1988; nơi cư trú: thôn C, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- Người làm chứng: Chị Phạm Thị Thu H, anh Lê Văn Q. Tất cả đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biên tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào chiều ngày 03/01/2020, Nguyễn Xuân Q cùng anh Lê Văn Q đi bộ từ nhà Q ra mộ mẹ của Q ở thôn T, xã C, huyện Q để thắp hương. Khi đi đến trước cửa nhà chị Phạm Thị H thì Nguyễn Xuân Q thấy trước cổng nhà chị H có dựng một xe đạp, bên trong giỏ xe đạp có một điện thoại di động nhãn hiệu Realme, loại Realme RMX 1942, màu xanh kim cương, đã qua sử dụng. Lúc này, Q nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên đã đi bộ lại giỏ xe đạp lấy trộm điện thoại di động nói trên, cất vào túi quần, rồi tiếp tục cùng Q đi thắp hương. Sau khi thắp hương xong, Q và Q về nhà Q uống rượu. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, sau khi biết được thông tin Nguyễn Xuân Q đã lấy trộm điện thoại của mình, chị Phạm Thị H đã đi đến nhà anh Lê Văn Q tìm gặp Q để hỏi lấy lại điện thoại. Chị H đến gặp và hỏi Q có lấy điện thoại của chị H không thì trả lại nhưng Q bảo không biết việc chị H bị mất điện thoại. Sau đó, chị H gọi chị gái là Phạm Thị Thu H lên nhà anh Q gặp Q để xin chuộc lại điện thoại thì Q bảo với chị H là về nhà trước rồi đến chiều tối anh Q sẽ đem máy về trả. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, chị H tiếp tục lên nhà anh Lê Văn Q để gặp Q xin chuộc lại máy thì Q bảo chị H đi sang quán tạp hóa của bà Phạm Thị T chuộc lại một chiếc đồng hồ đeo tay và điện thoại di động cho Q. Sau đó, chị H đến quán tạp hóa của bà T chuộc lại một chiếc đồng hồ và một điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, màu đen, đã qua sử dụng với số tiền 60.000 đồng. Sau khi chuộc xong, chị H đem đồng hồ và điện thoại di động về giao cho Nguyễn Xuân Q thì Q xin thêm chị H 50.000 đồng nữa và chị H đồng ý đem cho Q số tiền 50.000 đồng. Sau đó, Nguyễn Xuân Q lấy máy điện thoại di động đang cất giấu trên người trả lại cho chị H.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Trạch làm rõ, ngoài lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên thì Nguyễn Xuân Q còn thực hiện 02 lần trộm cắp tài sản khác, cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào tối ngày 16/12/2019, Nguyễn Xuân Q đã vào khu nội trú của Trường tiểu học Cảnh Dương thuộc xã Cảnh Dương lấy trộm của anh Nguyễn Xuân T 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 7, màu đen, đã qua sử dụng. Sau khi lấy trộm được Q cất giấu điện thoại trên người. Đến chiều ngày 03/01/2020, sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị Phạm Thị H thì Q đã cùng Q đến quán tạp hóa của bà Phạm Thị T uống rượu hết 60.000 đồng nhưng không có tiền trả, nên Q đã gửi lại một đồng hồ đeo tay và điện thoại di động Iphone 7. Sau đó, chị H đã trả tiền rượu cho bà T, chuộc lại điện thoại và đồng hồ nói trên về đưa cho Q. Tiếp đó, sáng ngày 04/01/2020, Q đưa điện thoại Iphone 7 trên gửi lại cho bà T cất giữ, rồi bỏ trốn. Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Trạch đã tạm giữ máy điện thoại di động trên, xác minh làm rõ điện thoại di động đó là tài sản của anh Nguyễn Xuân T bị mất trộm.

Lần thứ hai: Vào tối ngày 02/01/2020, Nguyễn Xuân Q đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, loại máy OPPO F5 của anh Trần Quốc T. Sau khi lấy trộm, Q cất giấu điện thoại trên người. Đến ngày 03/01/2020, trong quá trình hỏi chuộc lại điện thoại tại Nguyễn Xuân Q thì chị Phạm Thị H phát hiện Q đang cất giữ một điện thoại Iphone 7 và một điện thoại, nhãn hiệu Oppo F5. Chị H đã kể lại sự việc trên cho chị Nguyễn Thị L (vợ anh T) nghe thì chị L xác định máy điện thoại di động Oppo F5 là tài sản của chồng chị L bị mất trộm. Đến sáng ngày 04/01/2020, chị L đến nhà anh Lê Văn Q tìm Q để xin chuộc lại máy. Khi gặp thì Q bảo không có máy điện thoại di động của chị L. Lúc này, chị L dùng điện thoại gọi vào số anh T thì thấy điện thoại trong túi quần của Nguyễn Xuân Q đổ chuông. Thấy vậy, chị L nói xin chuộc lại máy điện thoại di động thì Q yêu cầu chị L trả 50.000 đồng tiền chuộc máy. Chị L đồng ý đem cho Nguyễn Xuân Q 50.000 đồng thì Q đưa cho chị L một điện thoại di động Oppo F5 (là điện thoại anh T bị mất trộm).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 02/KL-HĐĐGTS ngày 10/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Quảng Trạch, kết luận:

- 01 (Một) điện thoại di động, nhãn hiệu Realme, loại máy Realme C2 RMX 1942, màu xanh kim cương, có giá ước tính là 2.152.000 đồng.

- 01 (Một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 7, màu đen, có giá ước tính là 5.994.000 đồng.

- 01 (Một) điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, loại máy OPPO F5, có giá ước tính là 1.035.000 đồng.

Về vật chứng của vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình đã thu giữ: 01 (Một) điện thoại di động, nhãn hiệu Realme, loại máy Realme C2 RMX 1942; 01 (Một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 7, màu đen; 01 (Một) điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, loại máy OPPO

F5. Xác định đúng chủ sở hữu là chị Phạm Thị H, anh Trần Quốc T và anh Nguyễn Xuân T nên xử lý trả lại cho chủ sở hữu theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại tài sản, chị Phạm Thị H, anh Trần Quốc T và anh Nguyễn Xuân T không yêu cầu Nguyễn Xuân Q phải bồi thường thiệt hại. Nguyễn Xuân Q đã yêu cầu chị Phạm Thị H đưa tiền chuộc điện thoại là 110.000 đồng và chị Nguyễn Thị L (vợ anh Trần Quốc T) đưa tiền chuộc điện thoại là 50.000 đồng. Tuy nhiên, chị L và chị H không yêu cầu Q phải bồi thường, hoàn trả số tiền trên.

Đối với hành vi trộm cắp tài sản của anh Trần Quốc T vào ngày 02/01/2020, với trị giá tài sản là 1.035.000 đồng do Q thực hiện, chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “Trộm cắp tài sản” nên Công an huyện Quảng Trạch đã xử phạt vi phạm hành chính đối với Q theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ.

Tại bản Cáo trạng số 03/CT-VKSQT ngày 31 tháng 12 năm 2021, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình đã truy tố bị cáo Nguyễn Xuân Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo toàn bộ nội dung cáo trạng, có xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 56 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: về tội danh: tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”; về hình phạt: xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Q từ 24 tháng đến 30 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt tại bản án số 49/2022/HS-PT ngày 18/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án; về xử lý vật chứng và trách nhiệm bồi thường dân sự: không xem xét; buộc bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhận thấy hành vi trộm cắp tài sản mà mình đã thực hiện là vi phạm pháp luật, đã sai phạm. Bị cáo nhất trí với tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình đã truy tố, kết tội bị cáo. Bị cáo có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về

hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Xuân Q đã thừa nhận và thống nhất khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội trộm cắp tài sản mà mình đã thực hiện. Nhằm mục đích phục vụ nhu cầu cá nhân, tiêu xài, ăn uống của mình, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở, thiếu cảnh giác trong việc quản lý, bảo vệ tài sản của chủ sở hữu, đã lén lút trộm cắp tài sản là điện thoại di động của bị hại. Hành vi trộm cắp tài sản của anh Trần Quốc T do Q thực hiện, do chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên cơ quan Công an huyện Quảng Trạch đã chuyển xử lý vi phạm hành chính đối với Q theo quy định. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt theo kết luận là 8.146.000 đồng. Đối chiếu lời khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo tại phiên tòa và trong quá trình điều tra là hoàn toàn phù hợp và thống nhất với nhau, phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ kết luận, bị cáo Nguyễn Xuân Q phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội nói chung. Vì muốn có tiền phục vụ nhu cầu, mục đích bản thân bị cáo đã coi thường pháp luật, coi thường tài sản của người khác, cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần quyết định một hình phạt tương xứng đối với tính chất của hành vi phạm tội, mức độ, hậu quả mà bị cáo gây ra. Nhằm để răn đe, giáo dục bị cáo có ý thức tuân thủ pháp luật và quy tắc của cuộc sống, đồng thời phòng ngừa và đấu tranh phòng chống tội phạm trong xã hội, giữ gìn trật tự công cộng.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo: Bị cáo đã 02 lần phạm tội trộm cắp tài sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo là người có nhân thân xấu, đã bị cơ quan có thẩm quyền xử lý, đã bị Tòa án xét xử nhiều lần và hiện đang chấp hành án tại Trại giam Xuân Phước, Bộ Công an.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, được áp dụng cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[6] Xét quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án, áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo là phù hợp.

[7] Từ những nhận định, đánh giá trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết áp dụng hình phạt tù có thời hạn, buộc phải đi chấp hành hình phạt tại Trại giam, cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để có điều kiện giáo dục, cải tạo bị cáo tiến bộ. Căn cứ Điều 56 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp với hình phạt

01 (một) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án hình sự phúc thẩm số 49/2022/HS-PT ngày 18/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định, “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Tuy nhiên, bị cáo không có công việc và không có thu nhập. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của các bị hại đã được thu giữ giao trả cho bị hại theo quy định. Đến tại phiên tòa bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, yêu cầu gì thêm về trách nhiệm bồi thường thiệt hại, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về xử lý vật chứng: Vật chứng của vụ án đã được xử lý trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp theo quy định của pháp luật. Đến tại phiên tòa không ai có ý kiến, yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Nguyễn Xuân Q phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 56 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Q 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án hình sự phúc thẩm số 49/2022/HS-PT ngày 18/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án (ngày bị bắt tạm giam 28/10/2021 theo bản án số 49/2022/HS-PT ngày 18/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên).

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

4. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

5. Về xử lý vật chứng: Không xem xét.

6. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Xuân Q phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách nhà nước.

Báo cho bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Công an huyện Quảng Trạch;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- THADS huyện Quảng Trạch;
- Bị cáo; bị hại; NCQL, NVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Ngọc Thực